TÒA ÁN NHÂN DÂN **T PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/ 2024/ HNGĐ - ST
Ngày: 11/ 7/ 2024
V/v: " Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn";

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Phương
2. Ông Lê Văn Tám

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Minh Phương – Thư ký TAND T phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:*
Bà Nguyễn Thị Quý - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân T phố Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H - Sinh năm 1994;
Nơi đăng ký cư trú: SN X, đường Đ, phố VY, Phường QT T phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: Thôn CT, xã ĐP, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Hữu T – Sinh năm 1989 ;
Nơi đăng ký cư trú: SN X, đường Đ, phố VY, Phường QT, T phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị Lê Thị H; Vắng mặt anh Lê Hữu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

- Về hôn nhân*:* Chị Lê Thị H và anh Lê Hữu T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2011, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Thắng (nay là phường Quảng Thắng) T phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, đỉnh điểm mâu thuẫn là vào năm 2023. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hòa hợp, bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên chửi bới và đánh đập vợ con.

Do mâu thuẫn trầm trọng, nên tháng 9 năm 2023 anh chị đã sống ly thân nhau một thời gian, sau đó được bàn bè, gia đình động viên hòa giải thì anh chị lại quay về sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2023. Nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, anh chị lại tiếp tục sảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nên từ tháng 11 năm 2023 chị H lại về ở nhờ nhà mẹ đẻ và anh chị sống ly thân nhau từ đó cho đến nay.

Quá trình anh chị mâu thuẫn mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải động viên nhiều lần, nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Hữu T.

- Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Hà Lê L, sinh ngày 31/5/2012 và cháu Lê Hữu Đ1, sinh ngày 06/01/2017.

Ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lê Hà L, sinh ngày 31/5/2012 và anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hữu Đ1, sinh ngày 06/01/2017.

Hiện nay chị H đang làm công nhân tại Công ty giày da, thu nhập mỗi tháng khoảng từ 09 đến 10 triệu đồng.

- Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai và hòa giải anh Lê Hữu T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh cũng đồng ý như ý kiến của chị Lê Thị H trình bày về thời điểm, điều kiện kết hôn. Theo anh T, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H có tình cảm ngoài luồng. Tuy nhiên đến nay anh T vẫn có nguyện vọng đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau chăm sóc con chung, nhưng nếu chị H cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là cháu Lê Hà L, sinh ngày 31/5/2012 và cháu Lê Hữu Đ1, sinh ngày 06/01/2017.

Nếu phải ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hữu Đ1, còn cháu Lê Hà L giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Hiện nay anh T đang làm công việc lao động tư do, làm thợ sơn nước, thu nhập không cố định vì tùy theo công việc mỗi tháng.

- Về tài sản, công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương:

Anh Lê Hữu T và chị Lê Thị H trước đây cùng cư trú tại SN 25 đường Đỗ Đại, phường Đông Vệ và có 02 con chung. Quá trình chung sống hai anh chị mâu thuẫn với nhau như thế nào thì chính quyền địa phương không rõ vì anh chị không

báo cáo. Tuy nhiên chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ khoảng tháng 01 năm 2024 đến nay. Nay đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện VKS:

Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý đến quá trình xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Pháp luật. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện VKS đề nghị HĐXX:

Áp dụng:

- Điều 56, 81, 82, và 83 của Luật HNGĐ . Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Hữu T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Lê Hà L, sinh ngày 31/5/2012 và cháu Lê Hữu Đ1, sinh ngày 06/01/2017.

Ly hôn, giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hà L và giao cho anh Lê Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hữu Đ1.

Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung .

Anh T, chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét;

- Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 300.000đ;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ án Hôn nhân gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", bị đơn có hộ khẩu thường trú tại T phố Thanh Hóa, là thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân T phố Thanh Hóa, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Lê Hữu T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó HĐXX căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Lê Hữu T.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị H và anh Lê Hữu T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, nên đã sống ly thân nhau từ tháng 11 năm 2023 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải, động viên anh chị về đoàn tụ, nhưng chị H cương quyết không đồng ý vì chị xét thấy

tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 luật HNGĐ xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Hữu T.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Lê Hà L, sinh ngày 31/5/2012 và cháu Lê Hữu Đ1, sinh ngày 06/01/2017.

Ly hôn cả hai anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và thống nhất: Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hà L và giao cho anh Lê Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hữu Đ1. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của anh chị là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của các con.

Do đó HĐXX căn cứ vào Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình, Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hà L và giao cho anh Lê Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hữu Đ1. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T, chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở;

[4] Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56; Điều 81; 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điểm a Khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1.Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Hữu T .

2. Về nuôi con chung: Chị Lê Thị H và anh Lê Hữu T có 02 con chung là cháu Lê Hà L, sinh ngày 31/5/2012 và cháu Lê Hữu Đạt, sinh ngày 06/01/2017.

Ly hôn, giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hà L và giao cho anh Lê Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hữu Đ1. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T, chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở;

3. Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai thu số 0001262 ngày 05/3/2024 của Chi cục THADS T phố Thanh Hoá (Chị H đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Anh Lê Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THADS TP Thanh Hoá;
- UBND p. Quảng Thắng;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Hương